

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP
HÀNG NĂM**

(Ngày 18 tháng 12 năm 2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **DƯƠNG VĂN TUYNH** Ngày tháng năm sinh: **06/8/1968**
- Chức vụ/chức danh công tác: **Hiệu trưởng**
- Cơ quan/đơn vị công tác: **Trường THCS Phúc Đồng, quận Long Biên.**
- Nơi thường trú: **Tổ 8, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.**
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh thư nhân dân : **001068006917**
Ngày cấp: **25/4/2021** Nơi cấp: **Cục cảnh sát QLHC về TTXH**

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **ĐỖ THỊ BÍCH THỦY** Ngày tháng năm sinh: **24/9/1972**
- Nghề nghiệp: **Nghỉ hưu**
- Nơi làm việc: **Công ty may Phù Đồng, huyện Gia Lâm**
- Nơi thường trú: **Tổ 8, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội**
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh thư nhân dân: **001172024369**
Ngày cấp **10/4/2021** Nơi cấp: **Cục cảnh sát QLHC về TTXH**

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật): Không

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng thực tế với đất:

1.1. Đất ở:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ: **Tổ 8, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội**
- Diện tích: **80.5m²**
- Giá trị: **Không xác định được giá trị do được bố mẹ cho và không có giao dịch tài sản.**
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: **Số CL 302810 cấp ngày 02/11/2017. Nơi cấp: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.**

Người đứng tên: Đỗ Thị Bích Thủy

- Thông tin khác: **Hiện đang ở.**

1.1.2. Thừa thứ hai:

- Địa chỉ: **Thôn Bình Trù, xã Dương Quang, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội**
- Diện tích: **65.7m²**

- Giá trị: **Không xác định được giá trị do được bố mẹ cho và không có giao dịch tài sản.**

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: **Số CB 783806 cấp ngày 11/01/2016 Nơi cấp: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.**

- Người đứng tên: **Dương Văn Tuấn**

1.2. Các loại đất khác: **Không**

2. Nhà ở, công trình xây dựng :

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: **Tổ 8, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội**

- Loại nhà: **Nhà ở riêng lẻ**

- Diện tích sử dụng: **300m² (60m² x 05 tầng)**

- Giá trị: **1.800.000.000đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng)**

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: **Số CL 302810 cấp ngày 02/11/2017. Nơi cấp: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.**

2.1.2. Nhà thứ hai: **Không**

2.2. Công trình xây dựng khác: **Không**

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm: **Không**

3.2. Rừng sản xuất: **Không**

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: **Không**

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: **Không**

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): **Không**

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản: **Ô tô Honda CRV**

Số đăng ký: 30G-396.58 Giá trị: 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) Năm mua: 2020

- Tên tài sản: **Mô tô Honda SH 125**

Số đăng ký: 29K1-743.56 Giá trị: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) Năm mua: 2018

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: **Không**

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: **Không**

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: *Không*

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: **432.000.000đ**

- Tổng thu nhập của người kê khai: **252.000.000đ**

- Tổng thu nhập của vợ : **60.000.000đ**

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: *Không*

- Tổng các khoản thu nhập chung: **120.000.000 đ (Từ cho thuê cửa hàng)**

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp			

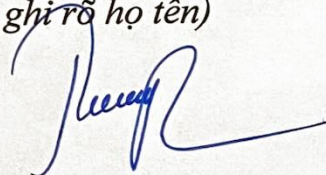
<p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.</p>		432.000.000đ	<p>-Thu nhập của người kê khai: 252.000.000đ.</p> <p>-Thu nhập của vợ: 60.000.000đ.</p> <p>-Thu nhập chung từ cho thuê cửa hàng: 120.000.000đ.</p>
---	--	--------------	--

Long Biên, ngày 27 tháng 12 năm 2024
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Nông Thị Kim Quy

Long Biên, ngày 18 tháng 12 năm 2024
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)



Dương Văn Tuynh

